

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3

Hải Phòng - Lê Chân

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

II. THÔNG TIN SƠ SÁNH

Số liệu sơ sánh là Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 đã được kiểm

tra và Anh - Chi nhánh Hải Phòng và được phân loại lại cho phù

hợp với năm hiện hành.



Nguyễn Văn Hùng

Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3 HẢI PHÒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011



Tháng 3 năm 2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã lãnh đạo Công ty trong năm 2011 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất là:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Kỳ Hưng	Chủ tịch	
Ông Đào Viết Trúc	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28/7/2011
Ông Bùi Ngọc Phương	Ủy viên	
Ông Nguyễn Đăng Quang	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28/7/2011
Ông Trần Huy Quang	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Thúy	Ủy viên	

Ban Giám đốc

Ông Phạm Kỳ Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Đào Viết Trúc	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Bùi Ngọc Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thúy	Phó Tổng Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hải Phòng có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục (*trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh*).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3 HẢI PHÒNG

Số 7 - Hồ Sen - Lê Chân - Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào trong năm và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các quy định hiện hành. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Phạm Kỳ Hưng

Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2012

**CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

23-04-2012

Số chứng thực 502 Quyển số 01 SCT/BS
CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG LAM SƠN



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
TRẦN THỊ MAI**

Số: 63/2012/BCTC-VAHP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011
của Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hải Phòng

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
 Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30/3/2012, từ trang 06 đến trang 32 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 02 và trang 03, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên**Cơ sở trình bày các vấn đề ngoại trừ**

Trong năm 2012, chúng tôi đã phát hành:

- Báo cáo kiểm toán số 34/2012/BCTC-VAHP ngày 05/3/2012 trình bày ý kiến về báo cáo tài chính của Công ty TNHH Ngôi nhà Hạnh phúc (Công ty con) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011. Báo cáo kiểm toán nêu trên đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với một phần giá trị các khoản mục của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty TNHH Ngôi nhà hạnh phúc.
- Báo cáo kiểm toán số 44/2012/BCTC-VAHP ngày 07/3/2012 trình bày ý kiến về báo cáo tài chính của Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Haco 3 (Công ty con) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011. Báo cáo kiểm toán nêu trên đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với một phần giá trị các khoản mục của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Haco 3.

Như đã nêu tại phần thuyết minh số 4.10, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần ACS Việt Nam (Công ty liên kết) đang được trình bày theo phương pháp giá gốc mà chưa được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu theo quy định. Theo đó, giá trị khoản đầu tư này đang được phản ánh theo giá gốc mà chưa được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của Công ty Cổ phần ACS Việt Nam.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của các công ty liên kết (Công ty Cổ phần Thành Hưng, Công ty Cổ phần Y học Lạch Tray) sử dụng để hợp nhất khoản đầu tư vào Công ty liên kết chưa được kiểm toán.

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) đến báo cáo tài chính hợp nhất vì các lý do nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hải Phòng tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Thị Hoa

Phó Giám đốc

(Chứng chỉ KTV số 0804/KTV)

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ANH - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Hải Phòng, ngày 30 tháng 3 năm 2012

Tạ Thị Việt Phương

Kiểm toán viên

(Chứng chỉ KTV số 1445/KTV)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		39.606.766.602	26.566.242.025
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	05	1.157.058.876	6.804.447.171
1. Tiền	111		1.157.058.876	804.447.171
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	6.000.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	06	3.498.453.796	100.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.498.453.796	100.000.000
III- Các khoản phải thu	130		6.732.963.484	8.297.704.401
1. Phải thu của khách hàng	131		6.432.318.388	10.797.112.033
2. Trả trước cho người bán	132		1.583.810.970	316.531.500
3. Phải thu nội bộ	133		-	8.440.060
5. Các khoản phải thu khác	135	07	1.107.160.751	750.008.323
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.390.326.625)	(3.574.387.515)
IV- Hàng tồn kho	140	08	12.547.191.179	4.273.289.360
1. Hàng tồn kho	141		12.547.191.179	4.273.289.360
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		15.671.099.267	7.090.801.093
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.447.256	62.382.200
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		536.016.676	199.201.559
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	09	15.129.635.335	6.829.217.334
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		221.748.956.479	204.982.084.065
II- Tài sản cố định	220		2.183.957.644	27.557.599.168
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	2.094.718.821	2.597.358.541
- Nguyên giá	222		8.997.662.360	9.276.426.815
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.902.943.539)	(6.679.068.274)
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	28.620.000	-
- Nguyên giá	228		42.930.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.310.000)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	60.618.823	24.960.240.627
III- Bất động sản đầu tư	240	13	64.882.225.756	19.953.493.112
- Nguyên giá	241		77.300.217.256	28.370.148.594
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(12.417.991.500)	(8.416.655.482)
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	14	151.886.917.545	156.639.798.525
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		119.534.885.145	106.742.825.253
3. Đầu tư dài hạn khác	258		37.494.133.840	54.184.130.350
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(5.142.101.440)	(4.287.157.078)
V- Tài sản dài hạn khác	260		2.795.855.534	831.193.260
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	2.614.326.994	543.051.233
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	181.528.540	288.142.027
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		261.355.723.081	231.548.326.090

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
1	2	3	4	5
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		32.252.628.802	27.992.748.287
I- Nợ ngắn hạn	310		30.043.301.029	26.316.659.641
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	2.000.000.000	124.242.420
2. Phải trả cho người bán	312		2.025.145.732	964.615.163
3. Người mua trả tiền trước	313		2.380.677.590	1.741.202.040
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	4.064.568.887	4.004.213.505
5. Phải trả người lao động	315		1.320.225.257	1.860.014.341
6. Chi phí phải trả	316	19	1.581.482.893	2.140.513.628
7. Phải trả nội bộ	317		40.037.973	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	20	11.410.102.857	11.061.577.337
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		1.041.881.836	1.738.858.442
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		4.179.178.004	2.681.422.765
II- Nợ dài hạn	330		2.209.327.773	1.676.088.646
3. Phải trả dài hạn khác	333		1.780.870.955	1.281.497.502
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		428.456.818	357.546.844
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	37.044.300
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		229.103.094.279	203.555.577.803
(400 = 410)				
I- Vốn chủ sở hữu	410		229.103.094.279	203.555.577.803
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	21	142.596.560.000	125.084.700.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	974.823	974.823
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	21	1.854.476	(7.360.691)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	21	5.953.490.029	5.953.490.029
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	21	25.926.912.151	25.926.912.151
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	21	1.065.616.803	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		53.557.685.997	46.596.861.491
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (540 = 300 + 400)	540		261.355.723.081	231.548.326.090

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2011	01/01/2011
1. Tiền tệ các loại - Đô la Mỹ (USD)	7.481,68	12.892,67



Phạm Kỳ Hưng

Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2012

Phạm Thị Thu Phương

Phó phòng kế toán

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu B02-DN/HN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	40.613.238.353	52.293.311.710
2. Các khoản giảm trừ	02	22	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	22	40.613.238.353	52.293.311.710
4. Giá vốn hàng bán	11	23	33.153.193.255	46.348.852.004
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.460.045.098	5.944.459.706
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	15.341.640.166	21.161.511.344
7. Chi phí tài chính	22	25	1.212.150.035	4.942.057.642
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		321.635.429	640.911.211
8. Chi phí bán hàng	24		183.571.778	156.280.947
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.622.733.029	6.850.599.186
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		19.783.230.422	15.157.033.275
11. Thu nhập khác	31	26	941.756.548	2.326.173.584
12. Chi phí khác	32	27	95.219.540	118.533.641
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		846.537.008	2.207.639.943
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	41		11.939.365.880	9.540.217.268
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+41)	50		32.569.133.310	26.904.890.486
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	4.497.952.046	4.522.763.000
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	106.613.487	(288.142.027)
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		27.964.567.777	22.670.269.513
17. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		27.964.567.777	22.670.269.513
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.041	2.299



Phạm Kỳ Hưng
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2012

Phạm Thị Thu Phương
Phó phòng kế toán

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B03 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	32.569.133.310	26.904.890.486
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ	02	4.706.187.283	4.601.054.060
Các khoản dự phòng	03	(329.116.528)	5.459.262.958
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(184.112)	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(14.507.810.912)	(21.306.867.364)
Chi phí lãi vay	06	321.635.429	640.911.211
Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh		(11.939.365.880)	(9.540.217.268)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	10.820.478.590	6.759.034.083
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(5.977.215.700)	(1.590.263.239)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(8.273.901.819)	(736.117.868)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	1.254.962.526	(529.013.847)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.014.340.817)	522.921.948
Tiền lãi vay đã trả	13	(280.488.327)	(630.367.888)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.957.216.107)	(3.832.739.471)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	11.500.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(306.067.394)	(145.048.356)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(9.722.289.048)	(181.594.638)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn	21	(24.547.545.184)	(14.414.620.806)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	142.727.272	95.454.546
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(77.698.453.796)	(100.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	74.900.000.000	13.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(10.577.328.233)	(34.417.526.815)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	29.579.322.000	27.030.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.591.021.835	4.256.854.935
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.389.743.894	(4.049.838.140)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	10.445.418.936	17.221.900.168
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8.769.661.356)	(32.697.657.748)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(4.328.737.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.675.757.580	(19.804.495.380)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(5.656.787.574)	(24.035.928.158)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.804.447.171	30.847.736.020
Thay đổi của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	9.399.279	(7.360.691)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	1.157.058.876	6.804.447.171



Phạm Kỳ Hưng
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2012

Phạm Thị Thu Phương
Phó phòng kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Công ty mẹ**

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hải Phòng được chuyển từ Công ty Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3270 QĐ/UB ngày 20/12/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng, theo hình thức bán một phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp để thành lập Công ty Cổ phần. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2003000346 ngày 25/12/2002, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 01/4/2004, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 07/4/2005, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 28/4/2006, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 28/3/2007, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 06/7/2007, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 14/11/2007, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 25/9/2008, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ chín ngày 23/5/2009, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười ngày 24/9/2009, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười một ngày 09/7/2010, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ mười hai ngày 09/4/2011 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ mười ba ngày 11/6/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp. Theo đó:

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hải Phòng

Tên tiếng Anh: HAIPHONG CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION NO 3

Tên viết tắt: HACO3

Vốn điều lệ: 142.596.560.000 VND

Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, chi tiết: xây dựng công trình giao thông, cầu cống;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, chi tiết: bán buôn đồ điện gia dụng, hàng điện lạnh, đèn và bộ đèn điện;
- Xây dựng công trình công ích, chi tiết: thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35KV;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm quầy bar);
- Điều hành tour du lịch;
- Sản xuất giường, tủ, bàn ghế;
- Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, chi tiết: khám chữa bệnh;
- Giáo dục mầm non;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: tư vấn lập dự án, tư vấn quản lý dự án;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo;
- Đại lý du lịch;
- Lắp đặt hệ thống điện: chi tiết: lắp đặt hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống phòng cháy chữa cháy;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất*

- Giáo dục thể thao và giải trí;
- Bán buôn đồ uống có cồn;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại: quần áo, giày dép, hàng ngũ kim, đồ dùng gia đình, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ thể thao, lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, đồ chơi trẻ em (trừ các mặt hàng Nhà nước cấm kinh doanh);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn đồ uống không có cồn;
- Phá dỡ; lắp đặt hệ thống xây dựng khác, chi tiết: lắp dựng khung nhà tiền chế;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức du lịch;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ sơn, màu, vecni trong các cửa hàng chuyên doanh, bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh: bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại. Chi tiết: sản xuất khung nhà tiền chế;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, kênh mương;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: bán buôn tre, nứa gỗ cây và gỗ chế biến, bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, bán buôn kính xây dựng, bán buôn sơn, vecni, bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn đồ ngũ kim, hàng kim khí;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản (bao gồm kinh doanh nhà, cho thuê văn phòng, cho thuê nhà ở).

Địa chỉ trụ sở chính: Số 7 Hồ Sen, Phường Trại Cau, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là "Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh"): đặt tại số 173 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Biên bản cuộc họp lần thứ 31 số 35/BB-Cty ngày 07/2/2007 của Hội đồng quản trị, Chi nhánh Hồ Chí Minh sẽ được tiến hành cổ phần hóa tại thời điểm 01/3/2007 với hình thức Công ty không giữ cổ phần chi phối và vốn điều lệ của Công ty Cổ phần mới bằng giá trị doanh nghiệp được xác định tại thời điểm cổ phần hóa theo quy định hiện hành. Theo biên bản họp lần thứ 41 số 46/BB-Cty ngày 31/01/2008 của Hội đồng quản trị, Công ty quyết định không nắm giữ và bán 30% cổ phần với giá trị là 2.373.615.729 VND. Tuy nhiên, từ đó đến nay, quá trình chuyển đổi vẫn chưa được hoàn tất.

Tính từ thời điểm 01/1/2008, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã tạm ngừng hoạt động. Trong năm 2011, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh không phát sinh các giao dịch, không hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính. Số liệu từ các năm trước liên quan đến Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh không được hợp cộng với số liệu của Văn phòng Công ty nhưng được Công ty bù trừ và theo dõi như một khoản công nợ khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN/HN**
Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

Các Công ty con:

Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế HACO 3 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH một thành viên số 0204001908 lần đầu ngày 14/1/2009, theo đó:

Tên tiếng Anh: HACO 3 CONSULTING DESIGN LIMITED COMPANY

Tên viết tắt: HACO 3D

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà H - Tower, số 195 Văn Cao, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VND

Tại thời điểm 31/12/2011, Công ty góp thực tế 17,88% vốn điều lệ.

Công ty TNHH Ngôi nhà hạnh phúc được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH một thành viên số 0204002598 lần đầu ngày 05/6/2009, thay đổi lần thứ nhất ngày 21/5/2010, thay đổi lần thứ hai 04/11/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, theo đó:

Tên tiếng Anh: FULLHOUSE FURNITURE COMPANY LIMITED

Tên viết tắt: FULLHOUSE FURNITURE

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà H - Tower, số 195 Văn Cao, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

Vốn điều lệ: 6.800.000.000 VND

Tại thời điểm 31/12/2011, Công ty góp thực tế 37,92% vốn điều lệ.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm: Bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MÃ SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất*

chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

4.3 Tiền

Tiền: phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm 31/12/2011, bao gồm: tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng.

4.4 Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Chênh lệch tỷ giá được xử lý theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp, cụ thể:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ).

Số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ ngắn hạn (01 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài khoản ngắn hạn này được phản ánh vào Chênh lệch tỷ giá hối đoái và để số dư trên Báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài khoản công nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào Chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Việc xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC có sự khác biệt với hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá (VAS 10). Nếu xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của VAS 10 thì kết quả kinh doanh năm 2011 của Công ty sẽ tăng lên một khoản là 1.854.476 VND.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/12/2011 là 20.828 VND/USD; 31/12/2010 là 18.932 VND/USD.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ đồng thời được theo dõi nguyên tệ trên sổ kế toán chi tiết và tài khoản 007 "Ngoại tệ các loại".

4.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất***4.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá hàng xuất kho và hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang phản ánh toàn bộ chi phí thực tế phát sinh liên quan đến từng công trình dở dang đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phương pháp tính giá thành: theo phương pháp giản đơn, giá thành được tập hợp cho từng công trình.

4.7 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc, ngoại trừ một số tài sản được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định của Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

Loại tài sản cố định	Năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	04 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền mặt hoặc các khoản tương đương tiền) mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

Loại tài sản cố định	Năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	25

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MÃ SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất***4.10 Các khoản đầu tư tài chính****- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty liên kết:**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư ngoại trừ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần ACS Việt Nam. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết tại ngày 31/12/2011 bao gồm:

Công ty Cổ phần Thành Hưng: tại thời điểm 31/12/2011, Công ty góp được 29,53% vốn thực góp của các cổ đông (chiếm 22,34% vốn điều lệ đăng ký). Theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Thành Hưng thì Công ty góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Thành Hưng với tỷ lệ 35% vốn điều lệ, đồng thời, Công ty có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty Cổ phần Thành Hưng. Do đó, Công ty trình bày khoản đầu tư này là khoản đầu tư vào Công ty liên kết.

Công ty Cổ phần ACS Việt Nam: tại thời điểm 31/12/2011, Công ty đã góp vốn chiếm tỷ lệ 45,42% vốn điều lệ, đồng thời, Công ty có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty Cổ phần ACS Việt Nam. Do đó, Công ty trình bày khoản đầu tư này là khoản đầu tư vào Công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Công nghệ Y học Lạch Tray: tại thời điểm 31/12/2011, Công ty góp được 40% vốn thực góp của các cổ đông (chiếm 6,1% vốn điều lệ đăng ký). Theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Công nghệ Y học Lạch Tray thì Công ty góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Y học Lạch Tray với tỷ lệ 40% vốn điều lệ, đồng thời, Công ty có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty Cổ phần Công nghệ Y học Lạch Tray. Do đó, Công ty trình bày khoản đầu tư này là khoản đầu tư vào Công ty liên kết.

Năm 2011 chưa phát sinh cổ tức, lợi nhuận được chia hay các khoản khác từ khoản đầu tư vào các Công ty trên.

Công ty Liên doanh Làng Quốc tế Hướng Dương GS-HP: tại thời điểm 31/12/2011, Công ty đã góp vốn chiếm tỷ lệ 40% vốn điều lệ.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn khác:

Chứng khoán đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ngày đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính theo nguyên tắc dồn tích. Các khoản khác nhận được ngoài cổ tức và lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được coi là phần thu hồi của khoản đầu tư và được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư.

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn tại 31/12/2011 là cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn khác:

Phản ánh các khoản đầu tư bằng tiền hoặc hiện vật, các khoản cho vay có thời hạn không quá 12 tháng và các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn với thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn từ 03 tháng đến 12 tháng.

Đầu tư ngắn hạn khác tại 31/12/2011 bao gồm khoản tiền cho Công ty Cổ phần ACS Việt Nam vay với kỳ hạn 06 tháng và cho ông Nguyễn Hồng Chung vay với kỳ hạn 1 năm, ông Lê Quang Chùng vay với kỳ hạn 06 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất*

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được ghi nhận vào ngày giao dịch và được thể hiện theo giá trị ước tính hợp lý. Những thay đổi về giá trị hợp lý, lãi hay cổ tức thu được từ đầu tư cổ phiếu đã được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Tại thời điểm cuối năm tài chính, Công ty ước tính khoản tiền lãi từ các khoản tiền gửi, tiền cho vay theo lãi suất có kỳ hạn quy định trong hợp đồng và phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm.

- **Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư dài hạn khác:**

Đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư chứng khoán, góp vốn đầu tư vào các đơn vị khác được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc (bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư). Sau ngày đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính theo nguyên tắc dồn tích.

Chứng khoán đầu tư dài hạn bao gồm: đầu tư mua cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TECHCOMBANK), cổ phiếu của Ngân hàng thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (EXIMBANK), cổ phần của Công ty Cổ phần Lâm sản Hải Phòng, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Cổ tức nhận được trong năm tài chính được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo các quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tại 31/12/2011, Công ty trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng và Công ty Cổ phần ACS Việt Nam với số tiền lần lượt là 3.272.616.165 VND và 1.324.108.640 VND.

4.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay, ban hành và công bố theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4.12 Các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước dài hạn là giá trị còn lại của đồ dùng quản lý, công cụ dụng cụ được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh theo thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

4.13 Ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả phản ánh các khoản chi phí ước tính còn phải trả cho mặt bằng và các chi phí khác thực tế phát sinh nhưng đến thời điểm 31/12/2011 chưa thanh toán. Chi phí phải trả được ghi nhận trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.14 Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất*

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Công ty trích Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm với tỷ lệ là 2% tính trên tổng quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội năm nay theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/8/2003 của Bộ Tài chính và hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trong năm, số dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ chi trợ cấp cho người lao động, số thiếu này được Công ty hạch toán vào chi phí kinh doanh.

4.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại 31/12/2011 bao gồm vốn góp cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành bổ sung.

Năm 2011, Công ty có tăng vốn đầu tư chủ sở hữu thêm 17.511.860.000 VND theo Biên bản của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 28/4/2011 và phân phối lợi nhuận năm 2010 trong đó:

Trích quỹ dự trữ bắt buộc theo điều lệ (5%): 1.065.616.803 VND

Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (6%): 1.214.803.155 VND

Trích quỹ khen thưởng Ban TGD (3%): 607.401.578 VND

Chia cổ tức bằng cổ phiếu (14%): 17.511.860.000 VND

4.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu xây dựng: Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hoá được chuyển sang người mua, đồng thời, Công ty có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm tiền bán chứng khoán ngắn hạn, lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia và chênh lệch tỷ giá, được ghi nhận cụ thể như sau:

- Tiền bán chứng khoán ngắn hạn được ghi nhận trên cơ sở thu nhập thuần từ tiền thực tế thu được từ việc bán các chứng khoán ngắn hạn niêm yết trên thị trường chứng khoán sau khi đã trừ đi giá gốc của chứng khoán;
- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn;
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản thu nhập từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi từ chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán 31/12/2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MÃU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất***4.17 Ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, bao gồm lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện trong năm, dự phòng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn và chi phí tài chính khác.

- Lãi tiền vay được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số tiền vay và lãi suất vay từng kỳ thực tế;
- Chênh lệch tỷ giá: phản ánh các khoản chi phí từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ;
- Dự phòng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn là các khoản dự phòng đã lập tại thời điểm 31/12/2011.

4.18 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm.

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế suất thuế GTGT đầu ra của dịch vụ xây lắp là 10%, của hàng hoá và dịch vụ khác là 10%.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 25% trên lợi nhuận tính thuế.

Theo Thông tư số 154/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 hướng dẫn Nghị định số 101/2011/NĐ-CP ngày 04/11/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 08/2011/QH13 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2011 đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.19 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Công ty góp vốn đầu tư vào Công ty liên doanh Làng Quốc tế Hướng Dương GS-HP dưới hình thức Công ty liên kết chiếm tỷ lệ 40% vốn điều lệ được coi là bên liên quan của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất*

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 44.03.000073 lần đầu ngày 24/4/2003, Đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 04/10/2007, Công ty góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Thành Hưng dưới hình thức Công ty liên kết bằng tiền với tỷ lệ 35% vốn điều lệ. Theo đó, Công ty Cổ phần Thành Hưng được coi là bên liên quan của Công ty. Tại thời điểm 31/12/2011, Công ty đã góp được 22,34% vốn điều lệ và có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty Cổ phần Thành Hưng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0203001798 lần đầu ngày 14/10/2005, Đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 19/02/2009, Công ty góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần ACS Việt Nam dưới hình thức Công ty liên kết bằng tiền với tỷ lệ 44% vốn điều lệ. Theo đó, Công ty Cổ phần ACS Việt Nam được coi là bên liên quan của Công ty.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 02010042634 lần đầu ngày 09/3/2010, Công ty góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Y học Lạch Tray dưới hình thức Công ty liên kết bằng tiền và tài sản với tỷ lệ 40% vốn điều lệ. Tại thời điểm 31/12/2011, Công ty đã góp được 40% vốn thực góp của các cổ đông (chiếm 6,1% vốn điều lệ đăng ký). Theo đó, Công ty Cổ phần Y học Lạch Tray được coi là bên liên quan của Công ty.

Giao dịch với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 33.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt tại quỹ	586.710.853	271.595.882
Tiền gửi ngân hàng	570.348.023	532.851.289
Các khoản tương đương tiền	-	6.000.000.000
Cộng	1.157.058.876	6.804.447.171

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	19.000	104.187.700	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác		3.394.266.096		100.000.000
Cộng		3.498.453.796		100.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-		-
Tổng cộng		3.498.453.796		100.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2011	5.053.632.809	2.137.946.946	1.749.914.897	334.932.163	9.276.426.815
Tăng trong kỳ	-	-	-	197.901.545	197.901.545
Mua sắm mới	-	-	-	197.901.545	197.901.545
Giảm trong kỳ	10.000.000	-	466.666.000	-	476.666.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	466.666.000	-	466.666.000
Giảm khác	10.000.000	-	-	-	10.000.000
Số dư tại 31/12/2011	5.043.632.809	2.137.946.946	1.283.248.897	532.833.708	8.997.662.360
KHẤU HAO LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2011	3.384.310.201	1.597.691.005	1.473.468.105	223.598.963	6.679.068.274
Tăng trong kỳ	361.375.308	106.121.374	155.501.320	67.543.263	690.541.265
Khấu hao trong năm	361.375.308	106.121.374	155.501.320	67.543.263	690.541.265
Giảm trong kỳ	-	-	466.666.000	-	466.666.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	466.666.000	-	466.666.000
Số dư tại 31/12/2011	3.745.685.509	1.703.812.379	1.162.303.425	291.142.226	6.902.943.539
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2011	1.669.322.608	540.255.941	276.446.792	111.333.200	2.597.358.541
Số dư tại 31/12/2011	1.297.947.300	434.134.567	120.945.472	241.691.482	2.094.718.821

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng đến thời điểm 31/12/2011 là: 3.485.519.334 VND.

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chi phí thiết kế Website	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2011	-	-
Tăng trong năm	42.930.000	42.930.000
Mua sắm mới	42.930.000	42.930.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2011	42.930.000	42.930.000
HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2011	-	-
Tăng trong năm	14.310.000	14.310.000
Khấu hao trong năm	14.310.000	14.310.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2011	14.310.000	14.310.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 01/01/2011	-	-
Số dư tại 31/12/2011	28.620.000	28.620.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu số B09 - DN/HN

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tại ngày 01 tháng 01	24.960.240.627	10.806.168.733
Tăng	24.058.294.228	14.348.288.078
Kết chuyển sang tài sản cố định	48.930.068.662	194.216.184
Kết chuyển giảm khác	27.847.370	-
Cộng	60.618.823	24.960.240.627
Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang		
	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	60.618.823	24.960.240.627
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hải Phòng	19.451.000	24.891.225.434
Phần thân chung cư lô Q Văn Cao	-	11.541.598.685
Nhà hàng tầng 12 chung cư lô S	19.451.000	19.451.000
Cấp phép chung cư lô Q Văn Cao	-	184.180.000
Nhôm kính chung cư lô Q Văn Cao	-	218.766.774
Khảo sát thiết kế lô Q Văn Cao	-	61.090.909
San lấp lô Q Văn Cao	-	947.710
Bê tông TP-HM cọc nhồi chung cư lô Q	-	2.414.659.523
Phần móng công trình chung cư lô Q Văn Cao	-	5.328.482.760
Bê tông TP-HM móng chung cư lô Q	-	981.166.667
Bê tông TP-Phần thân chung cư lô Q	-	1.896.885.088
Phần hoàn thiện chung cư lô Q Văn Cao	-	19.748.539
Cọc nhồi thuê ngoài chung cư lô Q	-	1.681.396.046
Nén tĩnh - HM cọc nhồi chung cư lô Q	-	125.460.000
Điện, nước chung cư lô Q Văn Cao	-	417.391.733
Công ty TNHH Ngôi nhà Hạnh phúc	41.167.823	69.015.193
Showroom	41.167.823	69.015.193
Cộng	60.618.823	24.960.240.627

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu số B09 - DN/HN

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Chung cư 195 Văn Cao	Chung cư 197 Văn Cao	Đơn vị tính: VND Cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2011	28.370.148.594	-	28.370.148.594
Tăng trong năm	-	48.930.068.662	48.930.068.662
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	28.370.148.594	48.930.068.662	77.300.217.256
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2011	8.416.655.482	-	8.416.655.482
Trích khấu hao trong năm	3.446.666.100	554.669.918	4.001.336.018
Giảm khấu hao trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	11.863.321.582	554.669.918	12.417.991.500
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại 01/01/2011	19.953.493.112	-	19.953.493.112
Số dư tại 31/12/2011	16.506.827.012	48.375.398.744	64.882.225.756

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN/HN**
Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty Liên doanh Làng quốc tế Hường Dương GS-HP		49.152.892.589		46.797.917.844
Công ty Cổ phần ACS Việt Nam	4.905.180	60.274.135.000	4.769.725	56.081.125.000
Công ty Cổ phần Thành Hưng	893.645	9.806.416.947	360.045	3.445.890.364
Công ty Cổ phần Công nghệ Y học Lạch Tray	56.040	301.440.609	51.240	417.892.045
Cộng		119.534.885.145		106.742.825.253
Đầu tư dài hạn khác				
Ngân hàng Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	52.041	626.568.840	306.112	4.312.439.350
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng	180.466	7.282.940.000	154.245	7.282.940.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	6.802.240	29.584.625.000	6.415.016	35.049.251.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Ánh Dương		-	500.000	6.750.000.000
Công ty Cổ phần Lâm sản Hải Phòng		-	31.580	789.500.000
Cộng		37.494.133.840		54.184.130.350
Dự phòng đầu tư dài hạn				
Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Ánh Dương		-		(1.014.540.913)
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng		(3.817.992.800)		(3.272.616.165)
Công ty Cổ phần ACS Việt Nam		(1.324.108.640)		-
Cộng		(5.142.101.440)		(4.287.157.078)
Đầu tư dài hạn thuần		151.886.917.545		156.639.798.525

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.614.326.994	543.051.233
Cộng	2.614.326.994	543.051.233

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	181.528.540	288.142.027
Cộng	181.528.540	288.142.027

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất***17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay và nợ ngắn hạn (*)	2.000.000.000	124.242.420
Cộng	2.000.000.000	124.242.420

(*): Khoản vay theo hợp đồng số 02/2011 ngày 19/9/2011 có thời hạn vay 01 năm kể từ ngày nhận tiền vay với lãi suất 18%/năm.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	521.071.526	70.234.325
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.468.599.978	3.927.864.039
Thuế thu nhập cá nhân	17.477.383	6.115.141
Thuê nhà đất, tiền thuê đất	57.420.000	-
Cộng	4.064.568.887	4.004.213.505

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí phải trả khác	1.581.482.893	2.140.513.628
Cộng	1.581.482.893	2.140.513.628

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘ KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	165.855.712	149.505.329
Bảo hiểm xã hội	29.481.847	4.716.384
Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.207.628.126	10.785.926.736
Dư có phải thu khác	7.137.172	121.428.888
Cộng	11.410.102.857	11.061.577.337

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Đơn vị tính: VND					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc VCSH
A	1	2	3	4	5	6
Tại ngày 01/01/2010	72.145.630.000	50.193.200.000	-	3.498.363.936	16.680.215.348	931.544.106
Tăng trong năm	52.939.070.000	-	-	2.455.126.093	9.246.696.803	1.227.563.047
Giảm trong năm	-	50.192.225.177	7.360.691	-	-	2.159.107.153
Tại ngày 31/12/2010	125.084.700.000	974.823	(7.360.691)	5.953.490.029	25.926.912.151	-
Tại ngày 01/01/2011	125.084.700.000	974.823	(7.360.691)	5.953.490.029	25.926.912.151	-
Tăng trong năm	17.511.860.000	-	9.621.028	-	-	1.065.616.803
Giảm trong năm	-	-	405.861	-	-	-
Tại ngày 31/12/2011	142.596.560.000	974.823	1.854.476	5.953.490.029	25.926.912.151	1.065.616.803

CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	142.596.560.000	125.084.700.000
Cộng	142.596.560.000	125.084.700.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	125.084.700.000	72.145.630.000
Vốn góp tăng trong năm	17.511.860.000	52.939.070.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	142.596.560.000	125.084.700.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	17.511.860.000	4.328.737.800

CỔ PHIẾU

	31/12/2011 Cổ phiếu	01/01/2011 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	14.259.656	12.508.470
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	14.259.656	12.508.470
Cổ phiếu thường	14.259.656	12.508.470
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu thường	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.259.656	12.508.470
Cổ phiếu thường	14.259.656	12.508.470
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.613.238.353	52.293.311.710
Doanh thu bán hàng hóa	10.393.625.545	10.983.795.815
Doanh thu bán thành phẩm	-	4.189.428.411
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.364.657.845	15.940.731.462
Doanh thu hợp đồng xây dựng	8.854.954.963	21.179.356.022
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.613.238.353	52.293.311.710

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN/HN**
Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	9.977.203.968	10.737.807.406
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	2.909.275.811
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	15.144.203.814	12.340.125.697
Giá vốn hợp đồng xây dựng	8.031.785.473	20.361.643.090
Cộng	33.153.193.255	46.348.852.004

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	726.240.988	1.860.075.783
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	2.486.999
Cổ tức, lợi nhuận được chia	787.364.532	469.372.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	29.151.035	25.576.562
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	184.112	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	13.798.699.499	18.804.000.000
Cộng	15.341.640.166	21.161.511.344

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền vay	321.635.429	640.911.211
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	24.372.924	10.359.353
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	854.944.362	4.287.157.078
Chi phí tài chính khác	11.197.320	3.630.000
Cộng	1.212.150.035	4.942.057.642

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính***26. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thu thanh lý tài sản cố định	142.727.272	95.454.546
Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ	95.454.546	2.754.545
Thu từ góp vốn đầu tư bằng tài sản	53.990.909	282.568.702
Thu từ hoàn nhập chi phí bảo hành	14.183.050	1.421.400.500
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	204.731.189	217.002.584
Thu từ chênh lệch giá thép cấp cho các công trình	-	34.130.822
Thu nhập khác	430.669.582	272.861.885
Cộng	941.756.548	2.326.173.584

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	-	114.474.462
Giá trị thanh lý công cụ dụng cụ	-	3.769.467
Chi phí phạt chậm nộp thuế	30.505	-
Xuất tài sản bàn giao cho Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hải Phòng	53.990.909	-
Chi phí khác	41.198.126	289.712
Cộng	95.219.540	118.533.641

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.497.952.046	4.522.763.000
<i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ</i>	<i>4.455.207.373</i>	<i>4.348.735.884</i>
<i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty con</i>	<i>42.744.673</i>	<i>174.027.116</i>
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	4.497.952.046	4.522.763.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

TNHH Ngôi nhà hạnh phúc sẽ chấm dứt hoạt động. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, việc sáp nhập chưa hoàn thành, do đó, Công ty TNHH Ngôi nhà hạnh phúc vẫn đang tiếp tục hoạt động.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Công ty Liên doanh Làng quốc tế Hướng Dương GS - HP		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	716.080.118
Thu tiền bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	2.126.512.878
Công ty Cổ phần ACS Việt Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.877.917.666	5.328.458.334
Thu tiền bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.133.357.600	5.096.340.856
Góp vốn	4.193.010.000	33.481.125.000
	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Công ty Cổ phần Thành Hưng		
Góp vốn	5.336.000.000	-
Công ty Cổ phần Y học Lạch Tray		
Phải thu về tiền thuê nhà	870.149.000	674.992.500
Thanh toán tiền thuê nhà	826.044.000	538.492.500
Góp vốn	48.000.000	512.401.815
Số dư với các bên liên quan		
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Công ty Liên doanh Làng quốc tế Hướng Dương GS - HP		
Phải thu về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	-
Góp vốn	13.310.000.000	13.310.000.000
Công ty Cổ phần Thành Hưng		
Góp vốn	8.936.450.000	3.600.450.000
Công ty Cổ phần Y học Lạch Tray		
Phải thu về tiền thuê nhà	180.605.000	136.500.000
Góp vốn	560.401.815	512.401.815
Công ty Cổ phần ACS Việt Nam		
Phải thu về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	630.188.344	232.117.478
Ứng trước tiền cung cấp dịch vụ	-	114.371.722
Góp vốn	60.274.135.000	56.081.125.000

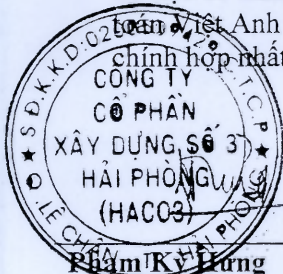
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

34. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Việt Anh - Chi nhánh Hải Phòng và được phân loại lại cho phù hợp với số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện hành.



Phạm Kỳ Hưng
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2012

Phạm Thị Thu Phương
Phó phòng kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3 HẢI PHÒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

T. PH. 1/1